

TUẦN 35 (10/5- 14/5/2021)

TIẾT 137-140

Tiết 137

VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. Tìm hiểu đặc điểm của văn bản thông báo

*** Xét ví dụ**

- Người thông báo: lớp phó học tập(VB1), liên đội trưởng(VB2)

-> Cấp trên, người phụ trách

- Người nhận: GVCN. Các lớp(VB1), các liên đội(VB2)

-> Cấp dưới, hội viên

- Mục đích: truyền đạt thông tin cụ thể để cấp dưới, thành viên đoàn thể, người quan tâm biết để thực hiện hoặc tham gia.

=> *Văn bản trên là văn bản thông báo*

*** Ghi nhớ ý 1/143**

- Nội dung: trình bày rõ ai thông báo, thông báo cho ai, nội dung công việc, quy định, thời gian, địa điểm... cụ thể, chính xác

- Hình thức: theo thể thức

- Lời văn: chuẩn mực, rõ ràng, chính xác.

*** Ghi nhớ ý 2/143**

II. Cách làm văn bản thông báo

1, Những tình huống cần làm văn bản thông báo

- Tình huống a : Tường trình

- Tình huống b : Thông báo

- Tình huống c : có thể viết thông báo hoặc viết giấy mời

-> *Tình huống viết thông báo: tình huống cần truyền đạt thông tin cụ thể từ cơ quan, đoàn thể, người phụ trách cho cơ quan, người cấp dưới biết để thực hiện*

2. Cách làm văn bản thông báo

- Bố cục: 3 phần:

+ Phần mở đầu:

. Tên cơ quan chủ quản và đơn vị trực thuộc(Ghi góc bên trái)

- . Quốc hiệu, tiêu ngữ (ghi chính giữa)
 - . Địa điểm, thời gian làm thông báo(ghi ở góc phải)
 - . Tên văn bản (ghi chính giữa)
 - + Phần nội dung: Trình bày rõ nội dung công việc, quy định, thời gian, địa điểm...
 - + Phần kết thúc:
 - . Nơi nhận(ghi phía dưới bên trái)
 - . Kí tên, ghi rõ họ tên, chức vụ người viết thông báo(ghi phía dưới bên phải)
- * Ghi nhớ ý 3/143

3. Ghi nhớ

Hoạt động luyện tập.

? Thế nào là văn bản tường trình? Một văn bản thông báo cần phải đạt yêu cầu gì

? Cách viết một văn bản thông báo

Hoạt động vận dụng.

? Lấy ví dụ 2 tình huống cần phải viết thông báo

Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

- Phân biệt văn bản thông báo với văn bản tường trình
- Học thuộc ghi nhớ
- Chọn một tình huống cần viết thông báo rồi viết thành một văn bản thông báo hoàn chỉnh

TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ II

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN CỬ CHI

KIỂM TRA CUỐI KÌ II – NĂM HỌC 2020-2021
MÔN : NGỮ VĂN – LỚP 8

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Phần đọc hiểu văn bản (3 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu

CÁ CHÉP CON VÀ CUA

Cá chép con dạo chơi trong hồ nước. Lúc đi ngang nhà cua, thấy cua đang nằm, vẻ mặt rất đau đớn, cá chép con bèn bơi lại gần và hỏi:

– Bạn cua ơi, bạn làm sao thế?

Cua trả lời:

– Tôi đang lột xác bạn à..

– Ôi, chắc là bạn đau lắm hả? Nhưng tại sao bạn lại phải làm như thế ?

– Họ hàng nhà tôi ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn cá chép ạ.

– À, bây giờ thì tôi đã hiểu.

(Những mẫu chuyện Thiếu nhi chọn lọc)

Câu 1: (1.0 điểm)

Xác định kiểu câu và hành động nói ở câu sau: “Họ hàng nhà tôi ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn cá chép ạ.”

Câu 2: (1.0 điểm)

Thông điệp câu chuyện trên.? (Trả lời ngắn gọn trong khoảng 2 – 3 dòng)

Câu 3: (1.0 điểm)

Điền đúng phần ngữ liệu tiếp theo cho trọn vẹn các dòng thơ sau và nêu ý nghĩa của các dòng thơ đó.

“Như nước Đại Việt ta từ trước
.....cũng khác.”

Phần tạo lập văn bản (7 điểm)

Câu 1: (2.5 điểm)

Em hãy viết đoạn văn 20 dòng trình bày suy nghĩ của bản thân về thông điệp được gửi gắm từ câu chuyện trên.

Câu 2: (4.5 điểm)

Đức và tài là hai tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá con người. Trong một lần nói chuyện với học sinh, Bác Hồ đã dạy: *"Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó"*. Em hiểu như thế nào về lời dạy trên ?

-----Thí sinh không được xem tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm -----

CÁC EM XEM PHẦN HƯỚNG DẪN CHẤM NHÉ !

**HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 – MÔN NGỮ VĂN – LỚP 8
Năm học 2020-2021**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc – hiểu	Câu 1	* Xác định đúng yêu cầu: - Kiểu câu: Trần thuật - Hành động nói: Trình bày	0,5 điểm 0,5 điểm
	Câu 2	Học sinh trả lời theo suy nghĩ cá nhân. Tuy nhiên, cần trả lời được ý trọng tâm: muốn trưởng thành (thành công) phải trải qua quá trình gian nan, khổ luyện.. • Lưu ý: Tùy theo mức độ đúng, GK cân nhắc và thống nhất với tổ trưởng quyết định số điểm phù hợp cho các trường hợp phát sinh cụ thể.	1.0 điểm
	Câu 3	HS phải điền đúng ngữ liệu: “Như nước Đại Việt ta từ trước Vốn xưng nền văn hiến đã lâu, Núi sông bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác.” • Lưu ý: HS không viết hoa mỗi chữ - 0,25 đ Học sinh điền đúng phần ngữ liệu thơ: đạt 0,5 điểm; - Nêu được ý nghĩa của đoạn thơ: Khẳng định về chân lý: 0,5 điểm - Nền văn hiến, chủ quyền lãnh thổ, phong tục tập quán Thiều 02 ý – 0,25 điểm	1.0 điểm
Tạo lập văn bản	Câu 1: Viết đoạn văn	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn Có đủ các phần mở đoạn, thân đoạn (phát triển đoạn), kết đoạn. b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Qua gian nan	0,25 điểm 0,25

		rèn luyện (thử thách) mới trưởng thành (thành công) c. Học sinh vận dụng các thao tác lập luận thể hiện suy nghĩ tự do theo góc nhìn của cá nhân miễn làm nổi bật suy nghĩ của bản thân về thông điệp trên.	điểm 1.5 điểm
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0.25 điểm
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này) * Lưu ý: - Thừa, thiếu 1 dòng so với quy định: không trừ điểm - Thừa, thiếu 2 dòng trở lên – 0,25 điểm	0.25 điểm
	Câu 2: Bài văn nghị luận	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>kết bài</i> kết luận được vấn đề.	0,25 điểm
		b. Nội dung * Giải thích ý nghĩa - Tài là sự nổi bật về một lĩnh vực nào đó, một phần nhờ năng khiếu bẩm sinh kết hợp với phần lớn là sự chăm chỉ học tập và chuyên cần rèn luyện. Có tài cũng được hiểu theo nghĩa là có kiến thức, có kỹ năng, kinh nghiệm, sáng kiến để hoàn thành công việc được giao trong một thời gian ngắn nhất, có hiệu quả nhất. - Đức là tư cách, là phẩm chất, là giá trị của con người trong cuộc sống; có đạo đức, tác phong tốt, biết tôn trọng, bảo vệ chân lí, dũng cảm đấu tranh cho sự trung thực, kiên quyết đấu tranh phê phán những sai lầm tiêu cực trong đời sống xã hội. * Bàn luận - Vì sao nói người có tài mà không có đức là người vô dụng ? + Bởi có tài mà chỉ phục vụ cho cá nhân, không nghĩ đến Tổ quốc, đến nhân dân. + Dùng tài năng làm việc tiêu cực xấu xa, vô đạo đức thì chẳng những vô dụng mà còn có tội với đất nước, với đồng bào. + Người càng có tài mà vô đạo đức bao nhiêu thì tác hại đối với xã hội càng khó lường bấy nhiêu.	1.0 điểm 2.0 điểm

		(Dẫn chứng) - Vì sao nói người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó ? + Trong công việc hàng ngày đòi hỏi con người phải có kiến thức chuyên môn cao để đáp ứng. + Phải thông minh, nhạy bén trong cách xử lý công việc một cách hiệu quả nhất. + Không có tài năng nhất định sẽ không hoàn thành nhiệm vụ, công việc tất yếu bị đình trệ, gây thiệt hại lớn cho sản xuất và đời sống. (Dẫn chứng) - Mối quan hệ giữa tài và đức - Đức và tài được xem là hai mặt giá trị của một con người có quan hệ bổ sung hỗ trợ chặt chẽ cho nhau. Hai mặt này đều cần thiết, không thể thiếu. - Trong hai mặt đức và tài, đức là yếu tố quyết định và phải được thể hiện bằng những hành động cụ thể thiết thực trong việc hoàn thành công việc với chất lượng cao. *Mở rộng - Phê phán lối sống chỉ chú trọng đến rèn luyện tài năng, quên bồi dưỡng đạo đức hay chỉ chú trọng một phương diện... - Thông qua lời dạy, ta hiểu thêm về Bác quan tâm đến việc rèn luyện thể hệ sau trở thành con người toàn diện. - Bác Hồ là minh chứng cho người toàn vẹn tài và đức. Đặc biệt, ngày nay, tấm gương đạo đức của Người đang được mọi người học tập và làm theo tấm gương đạo đức tuyệt vời ấy !	0,75 điểm
		c. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25 điểm

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG

SGK TRANG 145

I. Bảng thống kê các từ ngữ xưng hô ở địa phương

II. Luyện tập

* Bài tập 1:

a. U: từ địa phương

Mẹ: từ toàn dân

b. Mẹ: từ toàn dân

Mợ: biệt ngữ xã hội

* Bài tập 2

. Chơi trò chơi

Từ địa phương

Từ toàn dân

Tui

tôi

Bầy tui

chúng tôi

Mạ

má

....

.....

* Bài tập 3

- Địa phương:

+ Với thầy/cô giáo: em- thầy/cô

con- thầy/cô

+ Với chị của mẹ mình: cháu- bác

+ Với chồng của cô mình: cháu- chú

+ Với ông nội của mình: cháu- ông...

* Bài tập 4

- Từ ngữ xưng hô địa phương chỉ được dùng trong phạm vi giao tiếp hẹp: trong cùng gia đình, cùng địa phương.

- Trong giao tiếp có tính chất nghi thức, không nên dùng từ ngữ xưng hô địa phương vì: người địa phương khác có thể không hiểu từ ngữ xưng hô ở địa phương mình

- Trong văn chương, người ta dùng từ ngữ xưng hô địa phương nhằm tạo dấu ấn địa phương cho tác phẩm.

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. Ôn tập lí thuyết

II. Luyện tập

* Bài tập 1

- a. Viết văn bản thông báo
- b. Viết văn bản báo cáo
- c. Viết văn bản thông báo

* Bài tập 2

- Lỗi sai:

+ Thiếu số công văn thông báo, nơi nhận, nơi lưu viết ở góc phía trên và phía dưới.

+ Nội dung: chưa phù hợp với tên thông báo; các mục thời gian, yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra còn thiếu cụ thể

* Bài tập 3, 4: HS THỰC HIỆN

3. Hoạt động vận dụng

- Viết báo cáo về việc lớp em trồng cây xanh trong dịp đầu xuân vừa qua

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Tìm hiểu các tình huống cần viết báo cáo và tập viết thành văn bản báo cáo hoàn chỉnh.
- Ôn lại kĩ lí thuyết; Làm bài tập 4, 5 SBT
- Ôn lại các kiến thức tập làm văn đã học.